

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98,126,305,887	118,576,337,958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4,148,534,827	1,164,711,877
1. Tiền	111		4,148,534,827	464,711,877
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	700,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24,315,070,740	36,683,308,460
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	24,176,092,925	33,584,444,142
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	791,353,484	3,718,814,543
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	472,399,833	504,825,278
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,124,775,502)	(1,124,775,502)
IV. Hàng tồn kho	140		69,192,529,969	76,894,309,339
1. Hàng tồn kho	141	V.5	81,403,744,927	89,105,524,297
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12,211,214,958)	(12,211,214,958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		470,170,351	3,834,008,282
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	14,206,155	14,206,155
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2,609,487,799
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	53,348,411
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	455,964,196	1,156,965,918
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129,359,748,105	128,692,057,870
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-

5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	
II.	Tài sản cố định	220	40,377,940,851	41,397,363,432
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	40,281,014,628
	<i>Nguyên giá</i>	222		59,653,832,561
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19,372,817,933)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6,926,223
	<i>Nguyên giá</i>	228		26,000,000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(19,073,777)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	90,000,000
III.	Bất động sản đầu tư	240	-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	88,920,564,775	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	88,920,564,775
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-
V.	Tài sản dài hạn khác	260	61,242,479	70,167,479
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	61,242,479
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-
				-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	227,486,053,992	247,268,395,828
	NGUỒN VỐN			
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300	201,954,699,287	212,880,091,395
I.	Nợ ngắn hạn	310	154,790,072,621	162,828,464,729
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	136,715,882,773
2.	Phải trả người bán	312	V.15	1,637,003,169
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.16	2,638,667,707
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	723,121,490
5.	Phải trả người lao động	315		220,019,543
6.	Chi phí phải trả	316	V.18	577,900,110
7.	Phải trả nội bộ	317		5,497,576,523
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		593,866,263
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	-
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		85,472,881
II.	Nợ dài hạn	330	47,164,626,666	103,848,251
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		861,305,295
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.20	580,101,999
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.21	580,101,999
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		49,464,942,682
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		6,581,985
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353		-

B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25,531,354,705	34,388,304,433
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	25,531,354,705	34,388,304,433
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		96,354,560,000	96,354,560,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		783,469,814	783,469,814
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(71,606,675,109)	(62,749,725,381)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		227,486,053,992	247,268,395,828

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

-

Đinh Thị Ngân

Nguyễn Cương

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔTÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy - xã Thanh Thủy - huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15,508,528,900	20,091,955,421
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		588,000,000	1,700,603,813
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14,920,528,900	18,391,351,608
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14,067,164,801	12,437,889,198
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		853,364,099	5,953,462,410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20,713,760	37,165,416
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,294,848,148	4,051,295,049
Trong đó chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	404,028,203	425,261,526
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,032,151,236	1,377,956,882
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8,856,949,728)	136,114,369
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8,856,949,728)	136,114,369
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	10,208,577
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8,856,949,728)	125,905,792

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Ngân

Nguyễn Cương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2012

					Đơn vị tính: VND
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-8,856,949,728	125,905,792	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02		1,081,710,931	1,044,789,090	
- Các khoản dự phòng	03		13,072,520,253	114,235,167	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04				
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		0	0	
- Chi phí lãi vay	06		8,294,848,148	4,051,295,049	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13,592,129,604	5,336,225,098	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		-1,440,611,770	13,054,540,028	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7,701,779,370	-10,195,439,166	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		-9,397,851,027	40,357,473,251	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8,925,000	-13,217,822	
- Tiền lãi vay đã trả	13		-1,257,671,628	-4,051,295,049	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			-2,371,134	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4,037,878,819	2,990,920,000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-1,938,271,601	-723,789,995	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,306,306,766	46,753,045,211	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		0	0	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-1,696,037,816		
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-1,696,037,816		
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010					
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)					

CHỈ TIÊU

Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
-------	-------------	---	---

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		1,960,344,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9,542,354,000	9,650,000,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-16,168,800,000	-58,117,914,384
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-104,111,583
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-6,626,446,000	-46,611,681,967
---	-----------	-----------------------	------------------------

Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2,983,822,950	141,363,244
--	-----------	----------------------	--------------------

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1,164,711,877	2,179,613,221
---	-----------	----------------------	----------------------

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
---	----	--	--

Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4,148,534,827	2,320,976,465
--	-----------	----------------------	----------------------

Kế toán trưởng

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2012
Tổng Giám đốc

Đinh Thị Ngân

Nguyễn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 1 Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh phụ tùng, lắp ráp xe gắn máy hai bánh, ô tô tải nhẹ, xe chở khách.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc

20

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	20

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2010). Trong thời gian ưu đãi thuế Công ty được áp dụng mức thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	24.247.416	33.477.508
Tiền gửi ngân hàng	4.124.287.411	431.234.369
Các khoản tương đương tiền		700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		700.000.000
Cộng	4.148.534.827	1.164.711.877

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Ô tô Yuejin Việt Nam	5.471.997.901	11.932.325.383
Công ty Dịch vụ Kỹ thuật ô tô Hải Dương	7.238.451.505	7.780.200.008
Công ty TNHH An Lộc Phát	2.599.440.441	2.556.630.441
Công ty TNHH Tuấn Nam Trang	1.255.563.538	2.091.923.538
Công ty Cổ phần F Auto	612.732.001	1.959.975.001
Công ty TNHH Ô tô Thành Tâm	1.118.711.956	1.702.561.956
Các khách hàng khác	5.879.195.583	5.560.827.815

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng	24.176.092.925	33.584.444.142
3. Trả trước cho người bán		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hợp Long Hà Nội		3.000.000.000
Ông Nguyễn Kỳ Xuân	294.453.430	294.453.430
Các khách hàng khác	496.900.054	424.361.113
Cộng	791.353.484	3.718.814.543
4. Các khoản phải thu khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang	32.500.000	32.500.000
Ông Nguyễn Văn Chiến	420.000.000	420.000.000
Phải thu khác	19.899.833	52.325.278
Cộng	472.399.833	504.825.278
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	250.163.263	250.163.263
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	103.911.472	103.911.472
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	770.700.767	770.700.767
Cộng	1.124.775.502	1.124.775.502
6. Hàng tồn kho		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.650.095.045	2.814.694.457
Công cụ, dụng cụ		-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		8.174.332.923
Thành phẩm	23.544.790.827	14.802.700.210
Hàng hóa	8.302.766.835	4.156.716.899
Hàng gửi đi bán	46.906.092.220	59.157.079.807
Cộng	81.403.744.927	89.105.524.297
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	314.750.167	314.750.167
Hàng gửi đi bán	11.896.464.791	11.896.464.791

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng	12.211.214.958	12.211.214.958
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng cụ, dụng cụ	14.206.155	14.206.155
Chi phí vận chuyển	-	-
Cộng	14.206.155	14.206.155
9. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	451.964.196	455.026.918
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.000.000	701.939.000
Cộng	455.964.196	1.156.965.918

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số đầu năm	27.395.321.230	29.561.242.579	1.693.921.766	932.358.636	8.700.000	59.591.544.211
Tăng trong năm	62.288.350					
<i>Mua sắm mới</i>						
Số cuối năm	<u>27.457.609.580</u>	<u>29.561.242.579</u>	<u>1.693.921.766</u>	<u>932.358.636</u>	<u>8.700.000</u>	<u>59.653.832.561</u>
<i>Giá trị hao mòn</i>						
Số đầu năm	6.272.839.388	10.354.096.211	963.541.276	695.546.947	6.383.178	18.292.407.001
Tăng trong năm						
<i>Khấu hao trong năm</i>	<u>416.982.733</u>	<u>615.573.366</u>	<u>30.659.984</u>	<u>16.875.691</u>	<u>319.158</u>	<u>1.080.410.932</u>
Số cuối năm	<u>6,689,822,121</u>	<u>10,969,669,577</u>	<u>994,201,260</u>	<u>712,422,638</u>	<u>6,702,337</u>	<u>19,372,817,933</u>
<i>Giá trị còn lại</i>						
Số đầu năm	<u>21.122.481.842</u>	<u>19.207.146.368</u>	<u>730.380.490</u>	<u>236.811.689</u>	<u>2.316.822</u>	<u>41.299.137.210</u>
Số cuối năm	<u>20,767,787,459</u>	<u>18,591,573,002</u>	<u>699,720,506</u>	<u>219,935,998</u>	<u>1,997,663</u>	<u>40,281,014,628</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 42.815.574.312 VND và 32.873.475.027 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng hạn mức tín dụng số 1260LAV200700 ngày 21 tháng 09 năm 2007 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	26.000.000	17.773.778	8.226.222
Tăng trong kỳ	-	1.299.999	-
Giảm trong kỳ	-	-	-1.299.999
Số cuối năm	26.000.000	19.073.777	6.926.223

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang mở rộng công trình Nhà máy ô tô Giải Phóng.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Yuejin Việt Nam^(a)</i>	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		63.920.564.775		62.224.526.959
- Đầu tư vào Dự án khu đô thị Hà Tây (Ủy thác đầu tư qua công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang) ^(b)		21.860.025.007		21.860.025.007
- Đầu tư vào Dự án Nhà ở cao tầng tại khu đất NO2 -T2 ^(c)		41.842.339.768		40.146.301.952
- Đầu tư vào Dự án xây dựng khu nhà ở xã hội và kinh doanh tại xứ đồng Cửa Đình – Ủy Trên, thôn Khoan Tế, xã Đa Tốn – Gia Lâm ^(d)		218.200.000		218.200.000
Cộng		88.920.564.775		87.224.526.959

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	70.167.479	-	8.925.000	61.242.479
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-	-	-
Cộng	70.167.479	-	8.925.000	61.242.479

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	135.841.355.501	139.591.601.501
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà	47.531.000.000	47.531.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Đồng Đa	36.578.314.389	36.693.314.389
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	23.638.515.000	26.648.515.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	10.594.814.960	12.860.314.960

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Liên Việt – Chi nhánh Đông Đô	14.572.711.152	12.113.457.152
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Thanh Thủy	2.926.000.000	3.745.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	874.527.272	1.682.727.272
Công ty Cổ phần Yuejin Việt Nam	874.527.272	1.682.727.272
Nợ thuê tài chính đến hạn trả		-
Cộng	136.715.882.773	141.274.328.773
16. Phải trả người bán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chia Fan Group Import and Export, Co		6.977.380.000
Công ty Cổ phần Yuejin Việt Nam		2.308.664.559
Công ty TNHH Sơn Liên Hợp	1.078.649.132	1.128.649.132
Công ty TNHH Thương mại vận tải Phương Anh	56.919.000	297.819.000
Công ty TNHH TM Sao Sơn Dương	230.714.462	225.730.142
Công ty TNHH An Bình Giang		203.550.916
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Thuận Phát		131.892.074
Các đối tượng khác	270.720.575	409.657.638
Cộng	1.637.003.169	11.683.343.461
17. Người mua trả tiền trước		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Việt Hà	1.379.745.746	1.379.745.746
Công ty TNHH Tuấn Nguyên	228.126.800	228.126.800
Công ty TNHH Ô tô Đắklăc	221.105.735	221.105.735
Công ty TNHH Đức Giang	134.849.998	134.849.998
Khách hàng khác	674.839.428	550.915.496
Cộng	2.638.667.707	2.610.142.773
18. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	11.282.753.043	5.163.643.068
Chi phí thuê mặt bằng	252.000.000	252.000.000
Chi phí vận chuyển		43.400.000
Chi phí bảo hiểm		38.533.455
Cộng	11.534.753.043	5.497.576.523
19. Dự phòng phải trả		
Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành sản phẩm hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:		
Số đầu năm	861.305.295	-
Tăng do trích lập trong năm		861.305.295
Số đã sử dụng trong năm		-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Số cuối năm	861.305.295	861.305.295
20. Phải trả dài hạn khác		
Là khoản nhận ký quỹ của các đại lý.		
21. Vay và nợ dài hạn		
Là khoản vay các tổ chức, chi tiết số phát sinh như sau		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Vàng 3A	38.152.942.682	40.104.942.682
Công ty CP ô tô Yuejin VN	8.425.000.000	9.360.000.000
Cộng	46.577.942.682	49.464.942.682

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng**Tổng Giám đốc**

Đinh Thị Ngân

Nguyễn Cương